

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**  
Mã hồ sơ: .....



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng   
Ngành: Giáo dục học. Chuyên ngành: Lý luận và lịch sử giáo dục.

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký:** PHẠM BÍCH THUY

**2. Ngày tháng năm sinh:** 07/11/1974; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;  
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

**4. Quê quán:** Xã Hiệp Lực, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương.

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:** 218 Liễu Giai, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

**6. Địa chỉ liên hệ:** 283 Bến Vân Đồn, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.  
Điện thoại di động: 0984976674; E-mail: pbthuy@sgu.edu.vn

**7. Quá trình công tác**

- Từ tháng 06, năm 1998 đến tháng 12 năm 2007: Chuyên viên Vụ Truyền thông, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em.

- Từ tháng 01 năm 2008 đến tháng 9 năm 2010: Giảng viên khoa Quản lý giáo dục, Đại học Sư phạm Hà Nội.

- Từ tháng 10 năm 2010 đến tháng 02 năm 2013: Trưởng khoa Khoa học Giáo dục, Đại học Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Từ tháng 03 năm 2013 đến tháng 02 năm 2024: Trưởng khoa Quản lý giáo dục - Trưởng Cán bộ quản lý giáo dục Tp. Hồ Chí Minh; Tổng biên tập Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục.

- Từ tháng 03 năm 2024 đến nay: Giảng viên Khoa Giáo dục mầm non, Đại học Sài Gòn.

Chức vụ hiện nay: Không.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Bí thư phụ trách Đảng ủy trường Cán bộ quản lý giáo dục TP. Hồ Chí Minh; Trưởng khoa Quản lý giáo dục; Tổng biên tập Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Giáo dục mầm non, Đại học Sài Gòn.

Địa chỉ cơ quan: 273 An Dương Vương, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 02838354409

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh, Đại học Nguyễn Tất Thành, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Hà Nội.

## **8. Chưa nghỉ hưu**

### **9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng TS ngày 06 tháng 07 năm 2009; số văn bằng: 06284; ngành: Giáo dục học; chuyên ngành: Lý luận và lịch sử giáo dục; Nơi cấp bằng: ĐH Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 31 tháng 12 năm 1998; số văn bằng: 9782; ngành: Giáo dục học; chuyên ngành: Giáo dục học; Nơi cấp bằng: ĐH Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 11 năm 1996; số văn bằng: 31392; ngành: Tâm lý - Giáo dục; Nơi cấp bằng: ĐH Sư phạm Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng ĐH ngày 26 tháng 03 năm 2003; số văn bằng: 013401; ngành: Tiếng Anh sư phạm; Nơi cấp bằng: ĐH Ngoại ngữ, ĐH Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 06 năm 1996; số văn bằng: 06597; ngành: Kế Toán; Nơi cấp bằng: ĐH Tài chính - Kế toán Hà Nội, Việt Nam.

### **10. Chưa được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS**

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở:** Trường ĐH Sài Gòn

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành:** Khoa học giáo dục

### **13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

- Quản trị hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục.
- Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.

### **14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn thành công 03 NCS chuyên ngành quản lý giáo dục vào các năm 2023, 2024; 02 HVCH chuyên ngành quản lý giáo dục vào các năm 2020, 2022.
- Đã hoàn thành 05 đề tài NCKH (02 đề tài cấp Bộ vào các năm 2020, 2022; 03 đề tài cấp trường vào các năm 2011, 2014, 2018).
- Đã công bố 64 bài báo khoa học, trong đó: 04 bài là tác giả chính đăng trên Tạp chí quốc tế trong danh mục SCOPUS.

**15. Khen thưởng:** Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo năm 2020 theo Quyết định số 2680/QĐ-BGDĐT ngày 18/09/2020.

**16. Kỷ luật:** Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:** Đạt chuẩn

- Luôn kiên định đối với đường lối của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.
- Trung thành với chủ nghĩa Mac-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Chấp hành nghiêm túc quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Kiên quyết đấu tranh chống lại các biểu hiện tiêu cực và bảo vệ quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Luôn có ý thức tuyên truyền, vận động người thân, gia đình và quần chúng nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước.
- Tích cực, tự giác tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức về lý luận chính trị và chuyên môn. Luôn có ý thức thực hành tiết kiệm, đấu tranh phòng, chống lãng phí, tham nhũng, quan liêu và các biểu hiện tiêu cực khác trong xã hội và ngành GD&ĐT. Luôn có ý thức giữ gìn tư cách, đạo

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

đức, tính tiên phong của người đảng viên trong công tác chuyên môn. Bản thân luôn thực hiện phê và tự phê thẳng thắn, giữ gìn đoàn kết trong đơn vị.

- Về tác phong và lề lối làm việc: có trách nhiệm với công việc, năng động, sáng tạo, linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ; Phương pháp làm việc khoa học, dân chủ và đúng nguyên tắc; Có ý thức phối hợp với đồng nghiệp, đối tác trong thực hiện nhiệm vụ.

- Trong cuộc sống hàng ngày, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, được nhân dân nơi cư trú tin tưởng, tham gia tích cực các hoạt động ở nơi cư trú.

## 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ đại học, sau đại học: 17 năm

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn GD quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2008-2009			0	0	280	0	280/0/280
2	2009-2010			01	0	280	0	280/70/280
3	2010-2011			0	0	366	0	366/0/280
4	2011-2012			0	0	396	0	396/0/280
5	2012-2013			0	0	315	0	315/0/280
6	2013-2014			0	0	225	0	225/0/280
7	2014-2015			0	0	225	0	225/0/270
8	2015-2016			01	0	225	0	225/25/270
9	2016-2017			01	0	0	0	0/75/270
10	2017-2018			01	0	0	0	0/160/216
11	2018-2019			03	0	0	0	0/295/216
12	2019-2020			03	0	0	45	45/97,5/216
13	2020-2021			01	0	0	0	0/75/216
14	2021-2022			02	0	0	0	0/145/67,5
03 năm học cuối								
15	2022-2023	01	01	01	0	60	0	60/225/67,5
16	2023-2024		01	01	0	0	45	54/125/67,5
17	2024-2025			08	0	45	0	45/120/270

## 3. Ngoại ngữ:

### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: Không

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; số bằng: 013401; năm cấp: 2003

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: Không

d) Đối tượng khác: Không

**3.2. Tiếng Anh: Cử nhân**

**4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng**

TT	Họ tên	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Trần Thị Ngọc Hiếu	x		x		2016-2022	ĐHSPHCM	QĐ 861/QĐ-ĐHSP ngày 10/4/2023
2	Hà Nguyễn Bảo Khuyên	x			x	2016-2022	ĐHSPHCM	QĐ 1707/QĐ-ĐHSP ngày 05/7/2023
3	Nguyễn Ngọc Ân	x			x	2017-2023	ĐHSPHCM	QĐ 795/QĐ-ĐHSP ngày 20/3/2024
4	Lê Thị Ngọc Chi		x	x		2019-2020	ĐHSPHCM	QĐ 1413/QĐ-ĐHSP ngày 15/5/2019
5	Nguyễn Thị Phương Vân		x	x		2021-2022	ĐHSP kỹ thuật Tp. HCM	QĐ 531/GCN-ĐHSPKT ngày 20/01/2022

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên: Không có**

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	CN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu/ Xếp loại KQ
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận TS: 0</b>				
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS: Chủ nhiệm 05 đề tài, trong đó: CN 03 đề tài cấp trường; CN 02 đề tài cấp Bộ</b>				
1	Vận dụng lý thuyết hệ thống nhằm định hướng xây dựng mô hình quản lý giáo dục tại Việt Nam giai đoạn hiện nay	CN	SPHN-10-502 Trường	2010-2011	QĐ 2429/QĐ-SPHN ngày 29/7/2011. Xếp loại Tốt
2	Biện pháp quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học các trường trung học phổ thông vùng Đồng bằng Sông Cửu Long	CN	C2014.30.13 Trường	2014-2015	QĐ 1232/QĐ-CBQLGDHCM ngày 2/12/2014. Xếp loại Khá
3	Quản lý nhà nước đối với loại hình nhóm trẻ gia đình tại các khu công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh	CN	C2016.30.02 Trường	2016-2018	QĐ 121/QĐ-CBQLGDHCM ngày 6/2/2018. Xếp loại Khá
4	Nâng cao chất lượng và hiệu quả bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ cán bộ quản lý trường phổ thông khu vực phía Nam đáp ứng nhu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam	CN	B2018-HQG-01 Bộ	2018-2020	QĐ 760/QĐ-BGDĐT ngày 18/3/2020. Xếp loại Đạt

5	Giải pháp nâng cao năng lực quản trị trường mầm non trong bối cảnh hiện nay	CN	B2021-HQG-01 Bộ	2021-2022	QĐ 730/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2023. Xếp loại Đạt
---	---	----	--------------------	-----------	--

**7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố:**

**7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố: 64 bài**

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu/ISSN hoặc ISBN	Loại tạp chí quốc tế uy tín	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng năm công bố
<b>I</b>	<b>Trước khi được công nhận tiến sỹ</b>							
1	Gia đình và giáo dục đạo đức trẻ 5 - 6 tuổi (Nghiên cứu trường hợp tại Hải Phòng và Thái Bình)	01	x	Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới. ISSN: 1859-1361			Quyển 18, Số 3, tr.33-45	2008
2	Câu lạc bộ gia đình - một cách tiếp cận trong công tác bồi dưỡng cho các bậc cha mẹ năng lực giáo dục hành vi đạo đức đối với trẻ 5 - 6 tuổi	01	x	Tạp chí khoa học - Đại học Sư phạm Hà Nội. ISSN:0868-3719			Tập 53, số 4, tr.157-166	2008
3	Gia đình và vấn đề giáo dục đạo đức cho trẻ em trong giai đoạn hiện nay	01	x	Tạp chí Giáo dục. ISSN 21896.0866.7476			Số 192, Kỳ 2-tháng 6, tr. 57-58	2008
4	Một số yếu tố ảnh hưởng đến năng lực giáo dục hành vi đạo đức của các bậc cha mẹ đối với trẻ 5 - 6 tuổi	01	x	Tạp chí khoa học giáo dục. ISSN 0868-3862			Số 34, tháng 7, tr.49-51	2008
5	Công tác bồi dưỡng cho các bậc cha mẹ năng lực giáo dục đạo đức đối với trẻ mầm non từ góc nhìn chính sách	01	x	Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông. ISSN 1859-1485			Số 9, tr. 47-50	2008
6	Năng lực giáo dục hành vi đạo đức đối với trẻ mẫu giáo lớn của các bậc cha mẹ và các yếu tố ảnh hưởng	01	x	Tạp chí Lý luận Chính trị và Truyền thông. ISSN 1859-1485			Số 10, tr. 64-68	2008
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận tiến sỹ</b>							
<b>Hướng nghiên cứu 1: Quản trị hoạt động giáo dục tại các cơ sở giáo dục</b>								
7	Xây dựng mô hình quản lý giáo dục Việt Nam theo hướng tiếp cận lý thuyết hệ thống	01	x	Tạp chí Quản lý giáo dục. ISSN 1859-2910			Số 29, tháng 10, tr.10-12	2011

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8	Quy hoạch đội ngũ giảng viên ở các trường ĐH - CĐ (qua thực tế đại học Thủ Dầu Một)	01	x	Tạp chí Quản lý giáo dục. ISSN 1859-2910		Số 41, tháng 10, tr. 52-54	2012
9	Vận dụng lý thuyết quản lý sự thay đổi trong đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông	01	x	Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục. ISSN 2354-0788		Số 4, tháng 12, tr.68-72	2014
10	Cán bộ quản lý giáo dục và công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học tại trường phổ thông	01	x	Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753		Số tháng 12, tr.28-31	2015
11	Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông	01	x	Hội thảo quốc tế ĐH Sư phạm Hà Nội. NXB ĐH Sư phạm Hà Nội.		Tr. 622-627	2016
12	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính ở các cơ sở giáo dục công lập theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm	01	x	Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục. ISSN 2354-0788		Số 1, tháng 3, tr.45-49	2016
13	Mô hình nhóm trẻ gia đình trong hệ thống giáo dục mầm non của một số quốc gia và Việt Nam	01	x	Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753		Số tháng 5, tr.120-127	2016
14	Thực trạng quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường trung học phổ thông đồng bằng Sông Cửu Long	01	x	Tạp chí khoa học - ĐH Sư phạm HCM. ISSN 1859-3100		Số 4 (82), tr.94-101	2016
15	Giáo dục hướng nghiệp trong trường tiểu học	01	x	Tạp chí KH&CN - ĐH Thái Nguyên. ISSN 1859-2171		Tạp 156, số 11, tr.171-174	2016
16	Công tác quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường THPT Đồng bằng Sông Cửu Long	01	x	Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục. ISSN 2354-0788		Số 3, tr. 78-85	2016
17	Vấn đề tự chủ tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục	01	x	Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753		Số 404, kỳ 2-4; tr. 15-18	2017

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

18	Phát triển tư duy sáng tạo của người giáo viên trường phổ thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học	01	x	Tạp chí Khoa học quản lí giáo dục. ISSN 2354-0788			Số 2, tháng 6, tr.205-209	2017
19	Thực trạng quản lý nhà nước đối với cơ sở giáo dục mầm non tư thục	01	x	Tạp chí Khoa học quản lí giáo dục. ISSN 2354-0788			Số 01 (17), tr. 73-77	2018
20	Đánh giá năng lực thực hiện công việc theo phương pháp KPIs trong quản lý trường phổ thông	02	x	Hội thảo quốc gia. Trường CBQLGDHCM. NXB.ĐHSP Huế.			Tr.442-449-	2018
21	Vai trò và năng lực của người giáo viên chủ nhiệm trường trung học cơ sở	01	x	Hội thảo quốc gia. Trường CBQLGDHCM. NXB ĐHSP Huế.			Tr. 516-518	2019
22	Thực trạng và biện pháp phát triển nhóm trẻ gia đình tại các khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh	01	x	Hội thảo quốc gia. Trường ĐHSP Huế. NXB ĐHSP Huế.			Tr. 221-225	2019
23	Vận dụng bộ tiêu chí Malcolm Baldrige trong đánh giá chất lượng trường phổ thông	02	x	Tạp chí Khoa học quản lí giáo dục. ISSN 2354-0788			Số 04 (24), tr. 19-26	2019
24	Đánh giá năng lực quản trị nhà trường của Hiệu trưởng trường mầm non theo tiếp cận quy trình xây dựng chính sách	01	x	Tạp chí Khoa học quản lí giáo dục. ISSN 2354-0788			Số 01 (29), tr.19-23	2021
25	Thực trạng năng lực quản trị nhà trường đáp ứng Chuẩn của đội ngũ cán bộ quản lý trường mầm non công lập Tp. Thủ Đức	02	x	Tạp chí Khoa học quản lí giáo dục. ISSN 2354-0788			Số 03 (31), tr.104-108	2021
26	Tăng quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình trong quản trị trường mầm non	01	x	Tạp chí Khoa học quản lí giáo dục. ISSN 2354-0788			Số 01 (33), tr. 6-12	2022
27	Khung năng lực quản trị nhà trường theo Chuẩn Hiệu trưởng trường mầm non	01	x	Tạp chí Khoa học quản lí giáo dục. ISSN 2354-0788			Số 4 (40), tr.79-92	2023

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

28	Hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giáo viên mầm non	01	x	Tạp chí Khoa học quản lí giáo dục. ISSN 2354-0788		Số 1 (41), tr. 95-102	2024
29	Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn tự nhiên – xã hội ở một số trường tiểu học quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh	02		Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753		Tập 24, số ĐB 6, tr. 214 - 219	2024
30	Vấn đề chính sách và năng lực quản trị nhà trường của Hội đồng trường mầm non	01	x	Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753		Tập 24, số ĐB 7, tr. 177-182	2024
31	Quản trị tài chính hướng tới tự chủ tại cơ sở giáo dục mầm non công lập	01	x	Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753		Tập 24, số ĐB 11, tr.1-6	2024
32	Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học tại hệ thống trường EMASI, thành phố Hồ Chí Minh	02		Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753		Tập 25, số ĐB 1, tr. 266-271	2025
33	Thực trạng quản lý hoạt động dạy học môn Tự nhiên và Xã hội cho học sinh tiểu học tại hệ thống trường EMASI, thành phố Hồ Chí Minh	02		Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753		Tập 25, số ĐB 1, tr. 254-259	2025
34	Factors affecting administrative effectiveness in experiential learning activities in general education institutions in Vietnam	01	x	Journal of Posthumanism. ISSN: 2634-3576 (Print). ISSN 2634-3584 (Online)	<b>SCOPUS Q3</b> <a href="https://doi.org/10.63332/joph.v5i5.1910">https://doi.org/10.63332/joph.v5i5.1910</a>	Vol. 5, No. 5, pp. 4364-4373	2025
35	Smart Administration as the Backbone of the Smart University: A Conceptual Framework	02	x	International Journal of Computational and Experimental Science and Engineering (IJCESEN) ISSN: 2149-9144 (Online).	<b>SCOPUS Q3</b> <a href="https://doi.org/10.22399/ijcesen.2813">https://doi.org/10.22399/ijcesen.2813</a>	Vol. 11, No.3, pp. 3776-3785	2025

36	Financial autonomy in general education institutions in Vietnam. A scientific perspective of education policy analysis	01	x	WSEAS Transactions on Business and Economics. Print ISSN: 1109-9526, E-ISSN: 2224-2899	SCOPUS Q4 <a href="http://doi.org/10.37394/23207.2025.22.102">http://doi.org/10.37394/23207.2025.22.102</a>	Vol. 22, pp. 1249-1260	2025
37	Phát triển mô hình đại học chia sẻ - xu hướng tất yếu của quản trị giáo dục đại học để toàn dân học tập suốt đời	01	x	Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. ISSN: 1859-0136, E-ISSN: 3030-4067		Số 6 (329), tr. 45-54	2025
<b>Hướng nghiên cứu 2: Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục</b>							
38	Giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên, từ thực tiễn trường đại học Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương	02	x	Tạp chí Giáo dục. Bộ GD&ĐT. ISSN 21896.0866.7476		Số 301, kỳ 1, tr. 24-26	2013
39	Phát triển chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý trường mầm non theo hướng tiếp cận Chuẩn Hiệu trưởng	02		Kỷ yếu Hội thảo quốc gia. Bộ GD-ĐT tại Nghệ An		Tháng 1, tr. 97-100	2014
40	Vai trò, nhiệm vụ người cán bộ quản lý trong công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên	01	x	Hội thảo quốc gia. ĐHXHNV, NXB ĐHQGTP.HCM.		Tr. 214-219	2014
41	Đánh giá sự hài lòng của người học để nâng cao chất lượng giáo dục	01	x	Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục. ISSN 2354-0788		Số 2, tháng 6, tr.35-39	2014
42	Phát triển năng lực người giáo viên nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục	01	x	Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục. ISSN 2354-0788		Số 3, tháng 9, tr.45-49	2015
43	Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và công tác phát triển năng lực quản lý tài chính theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ quản lý các trường mầm non công lập	01	x	Hội thảo quốc gia ĐH Sư phạm Vinh. NXB ĐH Sư phạm Vinh.		Tr. 550-556	2015

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

44	Giảng viên và vấn đề đổi mới phương pháp dạy học ở cao đẳng – đại học	01	x	Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753			Số tháng 12, tr.36-40	2015
45	Nâng cao năng lực người cán bộ quản lý giáo dục trường phổ thông bắt đầu từ giảng viên của các cơ sở bồi dưỡng	01	x	Hội thảo quốc gia ĐH Sư phạm Hà Nội. NXB ĐH Sư phạm Hà Nội.			Tr. 396-398	2015
46	Môi trường làm việc - giải pháp phát triển đội ngũ giảng viên	01	x	Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753			Số tháng 11, tr.100-102	2016
47	Trường Cán bộ quản lý giáo dục TP.HCM và công tác đào tạo phát triển năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục	01	x	Kỷ yếu hội thảo quốc tế. Học viện Quản lý giáo dục.			Tr. 900-906	2016
48	Đổi mới chương trình đào tạo nhằm phát triển năng lực nghiên cứu khoa học của giáo viên phổ thông	01	x	Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753			Số 396, kỳ 1-12, tr. 4-7	2016
49	Hoạt động bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao năng lực dạy học cho đội ngũ giáo viên nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông	01	x	Hội thảo quốc gia ĐHSP Huế. NXB ĐHSP Huế.			Tr. 776-783	2017
50	Chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà trường ở Thái Lan và hướng vận dụng vào Việt Nam	02	x	Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục. ISSN 2354-0788			Số 02 (18), tr. 83-96	2018
51	Xây dựng chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục trường trung học phổ thông đáp ứng Chuẩn Hiệu trưởng	01	x	Tạp chí GD. ISSN 2354-0753			Số 431, kỳ 2-6, tr. 1-4	2018
52	Thực trạng công tác bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ cán bộ quản lý các trường phổ thông khu vực phía Nam	03	x	Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục. ISSN 2354-0788			Số 02 (22), tr. 91-99	2019
53	Phát triển năng lực quản trị cho cán bộ quản lý trường	01	x	Tạp chí Khoa học quản lý giáo dục.			Số 04 (28), tr.1-8	2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	phổ thông để thực hiện đổi mới giáo dục			ISSN 2354-0788				
54	Nghiên cứu một số quan niệm về quản trị và quản trị nhà trường	02	x	Tạp chí Thiết bị giáo dục. ISSN 1859-0810			Số 231, kỳ 2-tháng 12, tr.99-101	2020
55	Competence based adaptive E - Learning in the regular training for school principals in Viet Nam	04		International journal of managemen. ISSN Print: 0976- 6502 and ISSN Online: 0976-6510	<a href="http://DOI.10.34218/IJM.11.6.2020.098">http://DOI.10.34218/IJM.11.6.2020.098</a>		Vol. 11, Issue 6, pp. 1102-1111	2020
56	Building interligent tutoring systems to foster the capacity of teachers in Viet Nam	03	x	Seybold report. ISSN 1533-9211	<b>SCOPUS Q4</b> <a href="https://doi.org/10.5281/zenodo.7505464">https://doi.org/10.5281/zenodo.7505464</a>		Vol. 17, No. 12, pp. 2162-2168	2022
57	Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực quản trị nhà trường cho cán bộ quản lí trường mầm non theo hướng cá nhân hoá	01	x	Tạp chí Khoa học giáo dục Việt Nam. ISSN 2615-8957	<a href="https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410809">https://doi.org/10.15625/2615-8957/12410809</a>		Tập 20, số 8, tr. 55-60	2024
58	Tổ chức bồi dưỡng giáo viên mầm non đáp ứng năng lực thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới	01	x	Tạp chí khoa học. Trường Đại học Vinh. ISSN 1859 - 2228	<a href="http://doi.org/10.56824/vujs.2024.htkhgd56">http://doi.org/10.56824/vujs.2024.htkhgd56</a>		Series C, tập 53, Số tháng 7, tr. 228-336	2024
59	Các hình thức đào tạo phát triển năng lực đánh giá sự phát triển của trẻ cho sinh viên chuyên ngành giáo dục mầm non	01	x	Tạp chí khoa học - Đại học sư phạm Hà Nội. ISSN 2354-1075	<a href="http://10.18173/2354-1075.2024-0088">http://10.18173/2354-1075.2024-0088</a>		Tập 69, số 4A, tr. 144-151	2024
60	Một số mô hình phát triển chuyên môn giáo viên trong môi trường giáo dục song ngữ: phân tích, đánh giá và khuyến nghị	02		Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753			Tập 24, SDB tháng 12, tr.46-51	2024
61	Nghiên cứu định tính trong khoa học giáo dục mầm non tại Đại học Sài Gòn: sự phù hợp và thực tế áp dụng	02	x	Tạp chí Tâm lý - Giáo dục. ISSN 2734-9217			Tập 31, số 5, tr. 63-68	2025

62	Xây dựng khung tiêu chí đánh giá chất lượng chương trình bồi dưỡng năng lực quản trị nhà trường cho đội ngũ cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông phổ thông theo lý thuyết của Donald Kirkpatrick	01	x	Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753		Tập 25, số ĐB 4, tr. 418-423	2025
63	Trí tuệ nhân tạo trong nghiên cứu định tính về khoa học giáo dục mầm non	01	x	Tạp chí ĐH Quảng Nam. ISSN 086-7586		Số 31, tháng 6, tr. 422-427	2025
64	Một số vấn đề lý luận về phương pháp học tập phục vụ cộng đồng	01	x	Tạp chí Giáo dục. ISSN 2354-0753		Tập 25, số 11, tr.5-10	2025

Trong đó: **04** bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế **trong danh mục SCOPUS mà UV là tác giả chính sau tiến sỹ**, số thứ tự: [34]; [35]; [36]; [56].

[34] Phạm Bích Thuy (2025), “Factors affecting administrative effectiveness in experiential learning activities in general education institutions in Vietnam”, *Journal of Posthumanism*. ISSN: 2634-3576 (Print). ISSN 2634-3584 (Online), SCOPUS Q3, Vol. 5, No. 5, pp. 4364-4373, <https://doi.org/10.63332/joph.v5i5.1910>.

[35] Phạm Bích Thuy, Phạm Dao Tiên (2025), “Smart Administration as the Backbone of the Smart University: A Conceptual Framework”, *International Journal of Computational and Experimental Science and Engineering (IJCESEN)*, ISSN: 2149-9144 (Online), SCOPUS Q3, Vol. 11, No.3, pp. 3776-3785, <https://doi.org/10.22399/ijcesen.2813>

[36] Phạm Bích Thuy (2025), “Financial autonomy in general education institutions in Vietnam. A scientific perspective of education policy analysis”, *WSEAS transactions on business and economics*, ISSN: 2224-2899, SCOPUS Q4, Vol. 22, pp.1249-1260, <http://doi.org/10.37394/23207.2025.22.102>

[56] Phạm Bích Thuy, Phạm Dao Tiên, Nguyễn Phúc Huy Tung (2022), “Building interligent tutoring systems to foster the capacity of teachers in Viet Nam”, *Seybold report*, ISSN 1533-92111, SCOPUS Q4, Vol. 17, No. 12, pp. 2162-2168, <https://doi.org/10.5281/zenodo.7505464>

**7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố** (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại QĐ số 25/2020/QĐ-TTg): Không có.

**7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích:** Không có

**7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế** (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không có

**8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài** nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không có

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học thay thế:**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS: 0

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo: 0

- Giờ giảng dạy:

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu: 03 năm cuối.

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): 0

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH: 0

c) Nghiên cứu khoa học: 0

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo: 0

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2025*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

**Phạm Bích Thủy**